

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Miên
2. Ông Lý Thanh Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị P; địa chỉ: Số xx, khóm V1, Phường y, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thạch Sô R; địa chỉ: ấp Đ, xã P1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn chị Triệu Thị P trình bày:*

Năm 2008, Chị P và anh Thạch Sô R tổ chức lễ cưới với nhau, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới chị P và anh R sống chung rất vui vẻ và hạnh phúc tại ấp Đ, xã P1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng được một thời gian. Đến năm 2011, thì chị P và anh R phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, do bất đồng quan điểm nên không còn hạnh phúc và chị P và anh R không còn sống chung với nhau. Trong thời gian sống chung, chị P và anh R có 02 con

chung tên Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011, đang sống chung với anh R. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận chị P và anh Thạch Sô R là vợ chồng.

- Về con chung: giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị P không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Đơn đề nghị ngày 14 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn chị Triệu Thị P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung:*

Chị P yêu cầu giao cho anh Thạch Sô R trực tiếp nuôi dưỡng con chung gồm Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

** Đối với bị đơn anh Thạch Sô R:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Thạch Sô R vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Thạch Sô R đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa chấp hành nghiêm các quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên không công nhận chị Triệu Thị P và anh Thạch Sô R là vợ chồng; về con chung giao cho anh Thạch Sô R trực tiếp nuôi dưỡng con chung gồm Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị P khởi kiện anh Thạch Sô R cư trú tại ấp Đ, xã P1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh R đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, trong quá trình giải quyết vụ án, chị P trình bày chị P và anh R tự nguyện tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi đám cưới, chị P và anh R sống chung rất vui vẻ và hạnh phúc tại ấp Đ, xã P1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng được một thời gian. Đến năm 2011, thì chị P và anh R phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, do bất đồng quan điểm, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc, hiện nay chị P và anh R không còn tình cảm và cũng không còn sống chung với nhau. Đối chiếu Đơn xin xác nhận ngày 18-3-2021 của chị P có Ủy ban nhân dân xã P1 xác nhận chị P và anh R từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn. Từ đó, có cơ sở xác định chị P và anh R không có đăng ký kết hôn là sự thật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*, đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Như vậy, chị P và anh R sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó, chị P yêu cầu không công nhận chị P và anh R là vợ chồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, chị P và anh R có 02 (Hai) người con chung tên Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011, đang sống chung với anh R. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh R không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con chung, nhưng chị P đã thống nhất giao cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*, nên việc chị P đã tự nguyện giao cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Mặc khác, từ khi chị P và anh R không còn sống chung với nhau, các

con chung sống cùng anh R và do anh R chăm sóc, nuôi dưỡng và qua tham khảo ý kiến của các con chung đều có nguyện vọng sống cùng với anh R. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con chung thì tiếp tục giao cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cần thiết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P là giao cho anh Thạch Sô R trực tiếp nuôi dưỡng con chung gồm Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011 cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị P được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Xét thấy, kể từ khi chị P và anh R không còn sống chung với nhau, các con chung Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011 đều sống chung với R và anh R vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh R không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có văn bản yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có căn cứ cho rằng anh R có đầy đủ các điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị P trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án anh R không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm, chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Triệu Thị P và anh Thạch Sô R là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Thạch Sô R trực tiếp nuôi dưỡng con chung gồm Thạch Hoàng D, sinh ngày 30-6-2009 và Thạch Thị Hồng D1, sinh ngày 07-01-2011 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Chị Triệu Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con; chị Triệu Thị P được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Triệu Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008991 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Triệu Thị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã P1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

F

Nguyễn Minh Luân